

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/02/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+P1+P6	7:25	22+0+0	0+0+0		15+0+3	0+0+0	chuyen 3 rp3-p1
2		PPD+P4	7:25	8+14	0+0		5+17	0+0	
3		VSP01+PPD	7:25	9+13	0+0		9+13	0+0	
4		PVD1+CTK3+CLO	9:25	20+1+1	0+0+0		18+1+0	0+0+0	chuyen 3 ctk3-clo
5		PVD1+MRM	9:25	10+12	0+0		6+15	0+0	
6		VSP01	9:25	22	0		22	0	
7		PVD1+RC3+RP1	11:25	21+0+0	0+0+0		4+0+4	0+0+0	chuyen 2 pvd1-rc3
8		RP3+BK5+PPD	11:25	14+0+7	0+0+0		6+0+6	0+0+0	chuyen 1 bk5-ppd

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/02/2023	TO: RP3 - P1 - P6	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: CHIẾN - NPhú - DTùng	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DUBOV A.V	RP3	11	1	7		100	KH-THAC	Russian
2	BUI ĐỨC THUẬN	RP3	15	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
3	PANKATOV	RP3	12	1	8		90	KHI	Russian
4	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	09	1	3		70	KHI	Vietnamese
5	TRẦN VĂN SEN	RP3	19	1	5		70	KHI	Vietnamese
6	LAM TIẾN PHI	RP3	18	1	8		80	KHI	Vietnamese
7	PHẠM TRUNG DŨNG	RP3	08	1	7	100	70	KHI	Vietnamese
8	HỒ VĂN LƯƠNG	RP3	14	1	3		65	KHI	Vietnamese
9	LÊ NHƯ NGUYỄN	RP3	20-21	2	8		60	KHI	Vietnamese
10	ĐẶNG HUY KHANH	RP3					70	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN TRUNG HOÀ	RP3	95,96	2	10		70	KHI	Vietnamese
12	LÊ XUÂN VIỆT	RP3	13	1	6		80	KHI	Vietnamese
13	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	RP3	10	1	3		82	KHI	Vietnamese
14	PHẠM MINH TRUNG	RP3	02,82	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP3	05	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐÀO HAI-TUNG	RP3	23-24	2	18		72	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ HUY DUÂN	RP3	06-07	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
18	MAI CÔNG HUÂN	RP3	16-17	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
19	CÚ VIỆT LONG	RP3	03-04	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VIỆT KỲ	RP3	22	1	5		70	KHI	Vietnamese
21	NGÔ NGỌC HÂN	RP3	97,3000	2	6		70	KHI	Vietnamese
22	PHẠM VĂN LẬP	RP3	94	1	5		65	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	29	191	1.599	100	15		chuyen 03 pax tu rp3 sang p1
2	P1	0	0	0	0	0	0		
3	P6	0	0	0	0	40	3		
TOTAL		22	29	191	1.599	140	18		
WEIGHT KG				191	1.599	140			

GRAND TOAL: 1.930 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/02/2023	TO: PPD - P4	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LHai - ĐỨC - HĐức - ĐANG	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GALLIAMOV I.M	PPD	54	1	5		70	KH-THAC	Russian
2	PHAM TAI	PPD	49	1	13		70	KHI	Vietnamese
3	KOLESNIK ALEXANDER	PPD	53	1	9		97	KHI	Russian
4	ĐỖ CHUNG KIẾN	PPD	47	1	2		60	KHI	Vietnamese
5	HOANG MINH HIẾU	PPD	48	1	5		67	KHI	Vietnamese
6	VU THANH BINH	PPD	52	1	5		80	KHI	Vietnamese
7	TRẦN VĂN DŨNG	PPD	50	1	4		78	KHI	Vietnamese
8	TRẦN VĂN NĂM	PPD	51	1	3		70	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TRUNG	P4	69	1	4	80	70	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN LÊ HUY	P4	70-71	2	7		70	KHI	Vietnamese
11	PHẠM TRẠI	P4	79	1	4		70	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐANG TUÂN	P4	81	1	5		70	KHI	Vietnamese
13	TẠ XUÂN HIẾU	P4	72	1	6		64	KHI	Vietnamese
14	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	67	1	3		80	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT NGỌC	P4	74	1	5		70	KHI	Vietnamese
16	PHẠM THẾ TRƯỞNG	P4	68	1	4		77	KHI	Vietnamese
17	PHAN HỒNG TÂM	P4	77-78	2	11		57	KHI	Vietnamese
18	PHAN ĐÌNH NHAM	P4	65	1	4		61	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TÀI	P4	66	1	2		70	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN HOANG TRƯỞNG	P4	73	1	4		75	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	75-76	2	8		74	KHI	Vietnamese
22	ĐOÀN VĂN TRỰC	P4	80	1	4		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	8	8	46	592	0	5		
2	P4	14	17	71	978	80	17		
TOTAL		22	25	117	1.570	80	22		
WEIGHT KG				117	1.570	80			

GRAND TOAL: 1.767 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: VSP01 - PPD	CREW: Hạnh - N.ANH - Huy	ETA: 09:25
CAM-1			

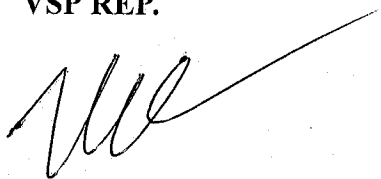
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BORVINSKI	VSP01	01	1	7		90	KH-THAC	Russian
2	ĐẶNG ĐỨC ANH	VSP01					74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN NAM SINH	VSP01	72	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM HOANG THANH	VSP01	69	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ XUÂN ĐỨC	VSP01	71	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN CHÂU	VSP01	67	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	VSP01	70	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
8	TRUBOCHKIN	VSP01	68	1	5		76	KH-THAC	Russian
9	HUYNH KIM KHANH	VSP01	02	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TÁ	PPD	52	1	5	70	69	KHI	Vietnamese
11	PHẠM HAI QUANG	PPD	55	1	5		75	KHI	Vietnamese
12	BERNIKOVICH VIKTOR	PPD	62	1	5		110	KHI	Russian
13	ĐỖ VĂN THÀNH	PPD	56	1	7		84	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU HAO	PPD	53	1	7		77	KHI	Vietnamese
15	TRỊNH CÔNG BÌNH	PPD	54	1	9		65	KHI	Vietnamese
16	TRẦN LÊ RĂNG	PPD	63	1	5		82	KHI	Vietnamese
17	LÊ MINH PHỤNG	PPD	58	1	5		78	KHI	Vietnamese
18	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	60	1	8		48	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐOÀN MẠNH TOÀN	PPD	57	1	6		85	KHI	Vietnamese
20	BUI THANH	PPD	59	1	4		63	KHI	Vietnamese
21	VŨ MẠNH HÙNG	PPD	61	1	6		72	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐỨC HÒA	PPD	51	1	7		76	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

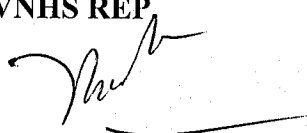
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	9	8	46	664	0	9		
2	PPD	13	13	79	984	70	13		
TOTAL		22	21	125	1.648	70	22		
WEIGHT KG				125	1.648	70			

GRAND TOAL: 1.843 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: PVD1 - CTK3 - CLO	CREW: CHIẾN - NPhú - DTùng	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BAN PHUC LONG	PVD1	78	1	13		68	PVD INVE	Vietnamese
2	LÊ CÔNG BĂNG	PVD1	90	1	10	15	63	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN NAM	PVD1	08	1	8		65	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN KIM HÀ	PVD1	86-87	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN NGHỊ	PVD1	09	1	10	20	74	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN ĐÌNH HÙNG	PVD1	88-89	2	15		56	XAYLAP	Vietnamese
7	TRỊNH HỮU TRUNG	PVD1	95	1	6	110	84	PVD DD	Vietnamese
8	NGUYỄN TUẤN ANH	PVD1	96-97	2	17		75	PVD DD	Vietnamese
9	NGUYỄN CÔNG CHÚC	PVD1	94	1	13		72	PVD DD	Vietnamese
10	PHAN HOÀI NIỆM	PVD1	92-93	2	13		75	PVDO	Vietnamese
11	TRẦN ANH	PVD1	74	1	5		66	PVDO	Vietnamese
12	NGO TUẤN CUONG	PVD1	81	1	7		70	PVDO	Vietnamese
13	PHẠM VĂN NHANH	PVD1	83-84	2	12		60	PVDO	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC HUƠNG	PVD1	77	1	4		66	PVDO	Vietnamese
15	HUYNH TUẤN NGHỊ	PVD1	76	1	10		78	PVDO	Vietnamese
16	NGUYỄN LINH	PVD1	79	1	4		82	PVDO	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NAM	PVD1	85	1	5		61	PVDO	Vietnamese
18	LÊ VĂN VIỆT	PVD1	82	1	5		79	PVDO	Vietnamese
19	ĐAM QUANG THANH	PVD1	80	1	5		74	PVDO	Vietnamese
20	ĐAM VĂN HÙNG	PVD1	75	1	9		51	PVDO	Vietnamese
21	VO THANH NHẬT	CTK3	84	1	10		78	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN CUÔNG	CLO	25-26	2	15		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	20	25	189	1.384	145	17		CHUYEN 3 PAX CTK3-CLO NB: NGUYEN MAI SON (GHE PHU)
2	CTK3	1	1	10	78	0	1 + 3		
3	CLO	1	2	15	60	0	1		
TOTAL		22	28	214	1.522	145	19		
WEIGHT KG				214	1.522	145			

GRAND TOAL: 1.881 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 5	TO: PVD1 - MRM	CREW: LHai - ĐỨC - HĐức - ĐANG	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM HUU MANH	PVD1	79	1	10	34	71	PVDO	Vietnamese
2	BUI SY TRUONG	PVD1	77	1	7		62	PVDO	Vietnamese
3	NGUYEN TRAN BAO	PVD1	80	1	5		77	PVDO	Vietnamese
4	NGUYEN KHAC TRIEU	PVD1	16	1	5		73	PVDO	Vietnamese
5	DO MINH HAI	PVD1	78	1	5		70	PVDO	Vietnamese
6	THAI VAN QUY	PVD1	81-82	2	12		66	PVD INVE	Vietnamese
7	DINH VAN TAI	PVD1	85-86	2	15		55	PVD INVE	Vietnamese
8	NGUYEN LE HUU NGOC	PVD1	83	1	11		59	PVD INVE	Vietnamese
9	TRAN DANH CUONG	PVD1	84	1	18		61	PVD INVE	Vietnamese
10	LE QUANG TIEN	PVD1	67	1	8		74	PVDD	Vietnamese
11	SALIKHOV	MRM	62	1	8		82	KHOAN	Russian
12	VU MANH HA	MRM	54	1	9		67	PSV	Vietnamese
13	KARNIUKHIN VITALII	MRM	67	1	16		68	AMNGR	Russian
14	KOLESNIKOV ARTEM	MRM	65-66	2	20		99	AMNGR	Russian
15	SAVIN ALEKSEI	MRM	63-64	2	18		87	AMNGR	Russian
16	TRAN LAM THO	MRM					53	HONG HA	Vietnamese
17	TRAN DIEN TRUNG	MRM					75	HONG HA	Vietnamese
18	NGUYEN TRONG PHU	MRM					53	HONG HA	Vietnamese
19	PHAN HUY CHUONG	MRM	58-59	2	20	25	65	HONG HA	Vietnamese
20	TRAN AN NHANH	MRM	55-57	3	20		63	HALLIBUR	Vietnamese
21	NGUYEN THANH BINH	MRM	52	1	2		76	PSV	Vietnamese
22	LE HUU NGHIA	MRM	53	1	8		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	10	12	96	668	34	7		
2	MRM	12	14	121	863	25	15		
TOTAL		22	26	217	1.531	59	22		
WEIGHT KG				217	1.531	59			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/02/2023	TO: VSP01	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Hạnh - N.ANH - Huy	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN VAN THUY	VSP01					65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUOC TUAN	VSP01	31	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG PHUC LUONG	VSP01					80	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN HAI HA	VSP01	47-48	2	10		64	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VIET TUNG	VSP01	34-35	2	13		58	KH-THAC	Vietnamese
6	TRINH TIEN BINH	VSP01	42	1	7		91	KH-THAC	Vietnamese
7	VU QUANG THANH	VSP01	36-37	2	10		67	YTE	Vietnamese
8	VU HAI DANG	VSP01	29	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THUONG HAI	VSP01	39	1	5	5	54	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TUYEN	VSP01	32	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN THANH HA	VSP01					60	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN VAN TRUONG	VSP01	46	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG TRONG CHUNG	VSP01	43	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
14	LE THANH TUAN	VSP01	38	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DUY DONG	VSP01	30	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH TUNG	VSP01	33	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN QUYET	VSP01	44	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN TAN SANG	VSP01	40	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN THANH LOI	VSP01	41	1	2		82	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM THANH KHIET	VSP01	28	1	5		68	DNV	Vietnamese
21	NGUYEN VAN KHAN	VSP01	45	1	4		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	21	21	119	1.469	5	22		
TOTAL		21	21	119	1.469	5	22		
WEIGHT KG				119	1.469	5			

GRAND TOAL: 1.593 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	TO: PVD1 - RC3 - RP1	CREW: HUNG - MTHAO - PTUAN	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MINH VUONG	PVD1	05	1	3	45	60	PSV	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH CUONG	PVD1	06	1	5		70	PSV	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC TỊNH	PVD1	08	1	5		80	PSV	Vietnamese
4	ĐÌNH CAO CUONG	PVD1	94	1	7		65	PSV	Vietnamese
5	ĐOÀN QUỐC VIỆT	PVD1	90	1	7		75	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN MẠNH THÂN	PVD1	99,200	2	15		66	PVDWS	Vietnamese
7	LÊ TÙNG PHONG	PVD1	98	1	11		64	PVDWS	Vietnamese
8	PHẠM THẾ QUANG	PVD1	14	1	13		71	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUỐC ĐẠI	PVD1	18-19	2	18		85	KH-THAC	Vietnamese
10	VÔ TRỌNG NHIÊN	PVD1	12	1	12		50	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ ĐỨC SANG	PVD1	13	1	13		61	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG PHƯƠNG NAM	PVD1	15-16	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN MINH TUÂN	PVD1	17	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRẦN TRUNG	PVD1	95-96	2	10		62	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC TAI	PVD1	09-11	3	25		72	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐĂNG THANH	PVD1	91	1	11		56	XAYLAP	Vietnamese
17	HÀ VĂN TRƯỞNG	PVD1	97	1	10		56	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN DUY KHANH	PVD1	07	1	13		67	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN LỢI	PVD1	01-02	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ MINH PHƯỢNG	PVD1	03-04	2	18		58	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN CUONG	PVD1	92-93	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	21	30	255	1.380	45	4+2		CHUYEN 2 PAX PVD1-RC3
2	RC3	0	0	0	0	20	0		
3	RP1	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		21	30	255	1.380	65	8		
WEIGHT KG				255	1.380	65			

GRAND TOAL: 1.700 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/02/2023	TO: RP3 - BK5 - PPD	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Dương - MMinh - HIẾU	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG HUY HIẾU	RP3	57	1	5		56	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG VINH	RP3				41	73	KHI	Vietnamese
3	MAI NGỌC CUÔNG	RP3	58	1	10	36	69	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC CUÔNG	RP3	59	1	5		70	KHI	Vietnamese
5	PHẠM BÌNH NAM	RP3	63	1	5		62	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH PHONG	RP3	60	1	13		70	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN VĂN THANH	RP3	64-65	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
8	VŨ DUY ĐỨC	RP3	68	1	13		71	XAYLAP	Vietnamese
9	KIM VĂN TÍNH	RP3	66-67	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ HUY KHANH	RP3	52-53	2	18		56	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CUÔNG	RP3	61-62	2	16		77	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU ĐỨC	RP3	54-55	2	18	20	80	T-TIN	Vietnamese
13	PHAN HỒNG SƠN	RP3	56	1	10		65	T-TIN	Vietnamese
14	ĐẠO VĂN DUNG	RP3					78	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN TRƯỞNG NHẬT MINH	PPD	45-46	2	15		85	KHI	Vietnamese
16	ĐỖ NGỌC TÂN	PPD	43	1	10		72	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC KHUYẾN	PPD	44	1	4		74	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC TUÂN	PPD	41	1	10		84	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TUÔNG	PPD	42	1	3		73	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN THẾ HÙNG	PPD	39-40	2	10	26	80	T-TIN	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN NAM	PPD					50	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

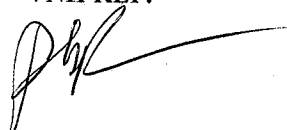
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	14	17	146	967	97	6		CHUYEN 1 PAX BK5-PPD
2	BK5	0	0	0	0	23	0-1		
3	PPD	7	8	52	518	26	6		
TOTAL		21	25	198	1.485	146	12		
WEIGHT KG				198	1.485	146			

GRAND TOAL: 1.829 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

